

# **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN**

***Báo cáo Tài chính  
cho năm tài chính 2014 kết thúc tại ngày 31/12/2014  
đã được kiểm toán***



Được kiểm toán bởi

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN**

Địa chỉ: Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

---

**MỤC LỤC**

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	05 - 08
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09 - 09
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 27



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN

Địa chỉ: Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2014 kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1600895650 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 15 tháng 3 năm 2008 và đăng kí thay đổi lần thứ 12 ngày 31 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển du lịch An Giang (Giấy phép đăng ký kinh doanh số 5202000689 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 20 tháng 6 năm 2007).

### Ngành nghề kinh doanh:

San lấp mặt bằng; Xây dựng công trình công nghiệp, công trình đường ống cấp thoát nước; Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng; Khai thác cát, sỏi; Kinh doanh dịch vụ khách sạn, ăn uống, giải khát; Lắp đặt hệ thống điều hòa không khí; Kinh doanh công viên cây xanh, công viên nước, vườn trại, dịch vụ vườn cảnh, non bộ, công viên, vườn thú, kinh doanh khu vui chơi giải trí; Nuôi thủy sản; Sản xuất, chế biến thực phẩm, chế biến bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản, sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản; Mua bán thực phẩm, thủy sản và sản phẩm thủy sản đã qua chế biến, dầu mỡ động vật, gạo, tấm, phân bón, cám; Buôn bán thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác, thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm, thủy sản; Sản xuất, đóng hộp dầu, mỡ động thực vật, phân bón, hợp chất ni tơ; Xây dựng công trình dân dụng; Đầu tư kinh doanh khu biệt thự sinh thái; Sản xuất chế biến lương thực; Sản xuất, phân phối hơi nước, khí ni tơ, khí nén; trồng lúa; Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; Trồng cây gia vị, cây dược liệu.



**Tổng vốn điều lệ** đăng ký theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 380.000.000.000 VNĐ (Ba trăm tám mươi tỷ đồng).

**Trụ sở chính:** Quốc lộ 80, Cụm Công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

### Kết quả hoạt động

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 11.136.867.278 VND (Năm 2013 lợi nhuận sau thuế là 9.011.547.193 VND).

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014 là 25.145.333.599 VND (Năm 2013 lợi nhuận chưa phân phối là 15.360.198.401 VND).

### Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

#### Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông Lê Thanh Thuần	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Hưng	Phó chủ tịch
Ông Lê Xuân Quế	Thành viên
Ông Hồ Mạnh Dũng	Thành viên
Ông Lê Văn Chung	Thành viên

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng bao gồm:

Ông Lê Xuân Quế	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Ngữ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Gia Thuần	Kế toán trưởng

### Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Đinh Hoài Ân	Trưởng ban - <i>Bãi nhiệm từ ngày 27/5/2014 theo BB hợp ĐHCĐ thường niên 2014 số 01/BB.ĐHCĐ/2014</i>
Bà Lê Thị Phượng	Ủy viên
Bà Lê Thị Định	Ủy viên

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

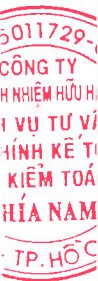
### Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính năm 2014 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN**

Địa chỉ: Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Phê duyệt các Báo cáo tài chính**

Chúng tôi, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản phê duyệt báo cáo tài chính cho năm tài chính 2014 kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty.

*Đồng Tháp, ngày 15 tháng 01 năm 2015*

**Thay mặt Hội đồng Quản trị  
Chủ tịch**

**LÊ THANH THUẬN**

**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc**



**LÊ XUÂN QUẾ**





Số: 16.../BCKT/TC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo Tài chính năm 2014 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014  
Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản được lập ngày 15 tháng 01 năm 2015, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên:**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 01 năm 2015

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs)

**Tổng Giám đốc**

**Đỗ Khắc Thanh**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0064-2013-142-1

**Kiểm toán viên**

**Bùi Thị Thanh Thảo**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 2119-2013-142-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
100	<b>A . TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>179.072.059.692</b>	<b>125.541.867.791</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>03</b>	<b>10.271.189.727</b>	<b>34.822.957.390</b>
111	1. Tiền		5.571.189.727	24.822.957.390
112	2. Các khoản tương đương tiền		4.700.000.000	10.000.000.000
120	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>04</b>	<b>3.811.545.800</b>	<b>1.369.900.800</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		5.987.860.282	3.973.300.282
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(2.176.314.482)	(2.603.399.482)
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>143.277.246.691</b>	<b>63.035.790.626</b>
131	1. Phải thu khách hàng		55.097.874.340	14.090.247.332
132	2. Trả trước cho người bán		77.650.028.464	42.605.807.463
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Các khoản phải thu khác	05	10.529.343.887	6.339.735.831
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)			
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>06</b>	<b>16.951.378.653</b>	<b>16.828.967.170</b>
141	1. Hàng tồn kho		17.131.654.772	18.458.771.837
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(180.276.119)	(1.629.804.667)
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>4.760.698.821</b>	<b>9.484.251.805</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		20.569.697	17.303.682
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ			6.026.693.499
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước			
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	07	4.740.129.124	3.440.254.624



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>167.794.635.019</b>	<b>176.497.006.448</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>			
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
213	3. Phải thu dài hạn nội bộ			
218	4. Phải thu dài hạn khác			
219	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>86.147.971.265</b>	<b>93.638.896.426</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	08	57.686.428.483	61.670.442.552
222	- Nguyên giá		79.349.504.340	78.089.327.570
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(21.663.075.857)	(16.418.885.018)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	09	25.848.042.782	29.354.953.874
225	- Nguyên giá		34.971.549.135	34.971.549.135
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(9.123.506.353)	(5.616.595.261)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	2.613.500.000	
228	- Nguyên giá		2.673.500.000	60.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(60.000.000)	(60.000.000)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11		2.613.500.000
240	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>			
241	- Nguyên giá			
242	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
250	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>12</b>	<b>10.406.817.282</b>	<b>10.408.374.611</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh			6.418.973.891
258	3. Đầu tư dài hạn khác		10.418.973.891	4.000.000.000
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		(12.156.609)	(10.599.280)
260	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>71.239.846.472</b>	<b>72.449.735.411</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	67.927.718.472	69.137.607.411
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
268	3. Tài sản dài hạn khác	14	3.312.128.000	3.312.128.000
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>346.866.694.710</b>	<b>302.038.874.239</b>





## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
300	<b>A . NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>170.820.206.391</b>	<b>136.678.675.838</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>125.209.620.330</b>	<b>116.064.810.029</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	15	92.801.594.467	113.630.530.447
312	2. Phải trả người bán		28.919.087.343	1.110.973.411
313	3. Người mua trả tiền trước		514.021.351	3.558.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	1.528.797.624	30.018.975
315	5. Phải trả người lao động			
316	6. Chi phí phải trả			
317	7. Phải trả nội bộ			
318	8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	17	995.542.185	1.289.729.196
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
323	11. Quỹ khen thưởng phúc lợi		450.577.360	
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>45.610.586.061</b>	<b>20.613.865.809</b>
331	1. Phải trả dài hạn người bán			
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ			
333	3. Phải trả dài hạn khác			
334	4. Vay và nợ dài hạn	18	45.610.586.061	20.613.865.809
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm			
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn			
338	8. Doanh thu chưa thực hiện			
400	<b>B . VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>176.046.488.319</b>	<b>165.360.198.401</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	19	<b>176.046.488.319</b>	<b>165.360.198.401</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		150.000.000.000	150.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần			
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu			
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)			
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		450.577.360	
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		450.577.360	
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		25.145.333.599	15.360.198.401
421	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản			
430	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>			
432	1. Nguồn kinh phí			
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>346.866.694.710</b>	<b>302.038.874.239</b>





## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	344.228.040.576	470.409.893.710
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	246.365.257	349.118.888
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	343.981.675.319	470.060.774.822
11	4. Giá vốn hàng bán	23	319.923.695.755	428.957.089.249
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		24.057.979.564	41.103.685.573
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	10.999.732.401	7.848.356.850
22	7. Chi phí tài chính	25	13.425.814.104	16.457.093.894
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		12.842.145.936	16.239.203.201
24	8. Chi phí bán hàng		4.405.896.798	18.846.387.873
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		4.617.021.918	4.424.926.779
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		12.608.979.145	9.223.633.877
31	11. Thu nhập khác		534.557	9
32	12. Chi phí khác		131.379.002	212.086.693
40	13. Lợi nhuận khác		(130.844.445)	(212.086.684)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		12.478.134.700	9.011.547.193
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26	1.341.267.422	
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		11.136.867.278	9.011.547.193
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	27	742	601

Đồng Tháp, ngày 15 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng





LÊ THANH DŨNG

NGUYỄN GIA THUẬN

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
 Tổng Giám đốc



LÊ XUÂN QUÉ

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)  
 Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>	01			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>			<b>12.478.134.700</b>	<b>9.011.547.193</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
1. Khấu hao tài sản cố định	02		8.751.101.931	7.766.667.927
2. Các khoản dự phòng	03		(1.875.056.219)	1.721.847.031
3. Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực	04		542.431.547	(68.005.957)
4. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(10.612.419.843)	(6.273.207.431)
5. Chi phí lãi vay	06		12.842.145.936	16.239.203.621
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08		<b>22.126.338.052</b>	<b>28.398.052.384</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(75.514.637.066)	22.268.629.787
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.327.117.065	56.475.842.196
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		30.003.814.766	(46.337.574.185)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.206.622.924	747.357.106
- Tiền lãi vay đã trả	13		(12.639.645.936)	(16.239.203.621)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(701.947.226)	(12.257.243)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.351.732.080	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16			
			<b>(32.840.605.341)</b>	<b>45.300.846.424</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20			
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.260.176.770)	(13.570.946.628)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(6.014.560.000)	(14.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		4.000.000.000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		701.947.226	819.919.500
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>(2.572.789.544)</b>	<b>(26.751.027.128)</b>



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)  
Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		359.091.027.108	483.018.676.552
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(343.395.079.025)	(482.005.905.873)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(4.933.327.675)	(5.206.076.172)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
			<b>10.762.620.408</b>	<b>(4.193.305.493)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40			
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50		<b>(24.650.774.477)</b>	<b>14.356.513.803</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60		<b>34.822.957.390</b>	<b>20.437.815.791</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		99.006.814	28.627.796
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	70		<b>10.271.189.727</b>	<b>34.822.957.390</b>

5011726  
CÔNG TY  
CH NHIỆM HỨ  
CH VỤ TỰ  
CHÍNH KẾ  
À KIỂM T  
PHÍA NA  
- TP. HỒ

Đồng Tháp, ngày 15 tháng 01 năm 2015

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

LÊ THANH DŨNG

NGUYỄN GIA THUẬN



LÊ XUÂN QUÉ



# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1600895650 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 15 tháng 3 năm 2008 và đăng kí thay đổi lần thứ 12 ngày 31 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển du lịch An Giang (Giấy phép đăng ký kinh doanh số 5202000689 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 20 tháng 6 năm 2007).

Trụ sở chính: Quốc lộ 80, Cụm Công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Tổng vốn điều lệ đăng ký theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 380.000.000.000 VNĐ (Ba trăm tám mươi tỷ đồng).

### Ngành nghề kinh doanh:

Sản lắp mặt bằng; Xây dựng công trình công nghiệp, công trình đường ống cấp thoát nước; Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng; Khai thác cát, sỏi; Kinh doanh dịch vụ khách sạn, ăn uống, giải khát; Lắp đặt hệ thống điều hòa không khí; Kinh doanh công viên cây xanh, công viên nước, vườn trại, dịch vụ vườn cảnh, non bộ, công viên, vườn thú, kinh doanh khu vui chơi giải trí; Nuôi thủy sản; Sản xuất, chế biến thực phẩm, chế biến bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản, sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản; Mua bán thực phẩm, thủy sản và sản phẩm thủy sản đã qua chế biến, dầu mỡ động vật, gạo, tấm, phân bón, cám; Buôn bán thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác, thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm, thủy sản; Sản xuất, đóng hộp dầu, mỡ động thực vật, phân bón, hợp chất ni tơ; Xây dựng công trình dân dụng; Đầu tư kinh doanh khu biệt thự sinh thái; Sản xuất chế biến lương thực; Sản xuất, phân phối hơi nước, khí ni tơ, khí nén; trồng lúa; Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; Trồng cây gia vị, cây dược liệu.

## 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

### Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính và các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

#### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính

### Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Công ty áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỉ giá hối đoái và Thông tư số 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỉ giá hối đoái trong doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ như đã áp dụng nhất quán trong năm trước.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo phù hợp với chuẩn mực kế toán số 24 "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

### **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

### **Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	05 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao

### **Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

### **Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

### **Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí thành lập;

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### **Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

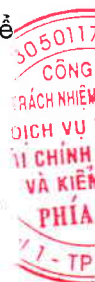
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### **Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### *Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính*

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### *Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.*

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 51121000091 chứng nhận lần đầu ngày 11 tháng 05 năm 2011 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp cho dự án đầu tư "Nhà máy bột cá Trisedco", Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong 10 năm, kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh, sau thời gian ưu đãi áp dụng thuế suất là 22%. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo.

Thuế suất dự án	20% từ 2011 đến 2021
Miễn thuế khi có TN chịu thuế	0% từ 2012 đến 2013
Giảm thuế	10% từ 2014 đến 2016
Thuế suất dự án	20% từ 2016 đến 2021
Thuế suất dự án	22% từ 2022





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

### 03. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	01/01/2014
<b>TIỀN</b>	<b>5.571.189.727</b>	<b>24.822.957.390</b>
<b>Tiền mặt</b>	<b>21.287.419</b>	<b>8.043.102.339</b>
<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>5.549.902.308</b>	<b>16.779.855.051</b>
<b>Tiền gửi ngân hàng (VND)</b>	<b>5.345.465.936</b>	<b>16.725.080.438</b>
+ Ngân hàng Ngoại Thương - CN Đồng Tháp	4.184.549.108	1.672.832.100
+ Ngân hàng Ngoại Thương - CN An Giang	896.123.838	413.315.049
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN An Giang	4.600.502	4.617.842
+ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn	4.388.731	253.954.131
+ Ngân hàng TMCP Á Châu - Phan Đăng Lưu	46.656.606	11.276.633
+ Ngân hàng CK Liên Việt	16.840	
+ Ngân hàng Phương Đông - CN An Giang	9.212.963	35.345.105
+ Ngân hàng CK Liên Việt		8.314.866.153
+ Ngân hàng TMCP SG-HN CN An Giang	1.928.108	2.446.908
+ Ngân hàng ĐT PT An Giang	9.801.460	7.616.941
+ Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam - Cần Thơ	153.018.066	
+ Ngân hàng TM CP Bản Việt	32.994.615	6.008.809.576
+ Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	2.175.099	
<b>Tiền gửi ngân hàng (USD)</b>	<b>204.436.372</b>	<b>54.774.613</b>
+ Ngân hàng Ngoại Thương - CN An Giang	95.405.510	43.435.100
+ Ngân hàng Phương Đông - CN An Giang	6.812.783	11.339.513
+ Ngân hàng Hàng Hải	102.218.079	
<b>CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN (VND)</b>	<b>4.700.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>
<b>Tiền gửi có kỳ hạn 1 - 3 tháng</b>		
+ Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt		10.000.000.000
+ Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam	4.700.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>10.271.189.727</b>	<b>34.822.957.390</b>

### 04. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<b>Đầu tư chứng khoán ngắn hạn</b>	<b>443.203</b>	<b>5.987.860.282</b>	<b>201.456</b>	<b>3.973.300.282</b>
+ ASM	443.203	5.987.860.282	201.456	3.973.300.282
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư cổ phiếu ASM</b>		<b>(2.176.314.482)</b>		<b>(2.603.399.482)</b>
<b>Cộng</b>		<b>3.811.545.800</b>		<b>1.369.900.800</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

### 05. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
Cty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia		7.045.500
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu	392.123.668	825.540.400
Công ty CP ĐT và XD Sao Mai tỉnh An Giang	4.126.762.469	5.453.287.931
Thu tiền điện nhà thầu thi công	33.800.000	33.800.000
Công ty TNHH MTV TXD-TM An Thịnh	1.317.650.000	
Công ty CP VISTAR	535.002.000	
Công ty Cơ Khí và Xây Dựng Long Xuyên	470.022.000	
Công ty TNHH MTV KD & DT Toàn Cầu	72.470.750	
Công ty TNHH MTV Xây Dựng TM An Lành	1.317.650.000	
Dương Thanh Tâm	537.168.000	
Lê Gia Lộc	327.607.500	
Nguyễn Chí Long	157.215.500	
Võ Hữu Triết	263.530.000	
Võ Minh Thông	470.022.000	
Võ Thị Hồng Tâm	10.140.000	
Đặng Như Hoàng	498.180.000	
Đối tượng khác		20.062.000
<b>Cộng</b>	<b>10.529.343.887</b>	<b>6.339.735.831</b>



### 06. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	01/01/2014
<b>Giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>17.131.654.772</b>	<b>18.458.771.837</b>
- Hàng mua đang đi đường		
- Nguyên liệu, vật liệu	1.203.753.341	140.566.892
- Công cụ, dụng cụ		1.586.922
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.502.012.144	18.316.618.023
- Thành phẩm	14.425.889.287	
- Hàng hóa		
- Hàng gửi đi bán		
<b>Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</b>	<b>(180.276.119)</b>	<b>(1.629.804.667)</b>
<b>Cộng</b>	<b>16.951.378.653</b>	<b>16.828.967.170</b>

### 07. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
Tạm ứng		
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.740.129.124	3.440.254.624
<b>Cộng</b>	<b>4.740.129.124</b>	<b>3.440.254.624</b>

**HÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN**

Độc lập 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

**Báo cáo tài chính**  
năm tài chính 2014

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2014

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng	Đơn vị tính: VND
<b>I. Nguyên giá</b>							
1. Số dư đầu kỳ	61.506.722.944	15.490.840.989	968.181.819	123.581.818		78.089.327.570	
2. Số tăng trong kỳ		842.904.043	417.272.727			1.260.176.770	
- Mua trong kỳ		842.904.043	417.272.727			1.260.176.770	
- Đầu tư XDCB hoàn thành							
- Tặng khác							
3. Số giảm trong kỳ							
- Chuyển sang BĐS đầu tư							
- Thanh lý, nhượng bán							
- Giảm khác							
4. Số dư cuối kỳ	61.506.722.944	16.333.745.032	1.385.454.546	123.581.818		79.349.504.340	
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>							
1. Số dư đầu kỳ	11.872.247.493	3.980.695.446	484.090.866	81.851.213		16.418.885.018	
2. Khấu hao trong kỳ	3.483.523.632	1.560.875.894	178.051.924	21.739.389		5.244.190.839	
- Khấu hao trong kỳ	3.483.523.632	1.560.875.894	178.051.924	21.739.389		5.244.190.839	
- Tặng khác							
3. Giảm trong kỳ							
- Chuyển sang BĐS đầu tư							
- Thanh lý, nhượng bán							
- Giảm khác							
4. Số dư cuối kỳ	15.355.771.125	5.541.571.340	662.142.790	103.590.677		21.663.075.857	
<b>III. Giá trị còn lại</b>							
1. Tại ngày đầu kỳ	49.634.475.451	11.510.145.543	484.090.953	41.730.605		61.670.442.552	
2. Tại ngày cuối kỳ	46.150.951.819	10.792.173.692	723.311.756	19.991.141		57.686.428.483	



**HÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN**

Số 16/80, cụm công nghiệp Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thạnh, Lấp Vò, Đồng Tháp.

**Báo cáo tài chính**  
năm tài chính 2014**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2014

**I. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						<b>34.971.549.135</b>
1. Số dư đầu kỳ		34.971.549.135				
2. Số tăng trong kỳ						
- Mua trong kỳ						
- Đầu tư XDCB hoàn thành						
- Tặng khác						
3. Số giảm trong kỳ						
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
4. Số dư cuối kỳ		34.971.549.135				34.971.549.135
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
1. Số dư đầu kỳ						5.616.595.261
2. Khấu hao trong kỳ						3.506.911.092
- Khấu hao trong kỳ						3.506.911.092
- Tặng khác						
3. Giảm trong kỳ						
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
4. Số dư cuối kỳ						9.123.506.353
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu kỳ						29.354.953.874
2. Tại ngày cuối kỳ						25.848.042.782



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN**

Số 10/ĐL-ĐT, cụm công nghiệp Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

**Báo cáo tài chính**  
năm tài chính 2014**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2014

**2. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
1. Số dư đầu kỳ				60.000.000		60.000.000
2. Số tăng trong kỳ	2.613.500.000					2.613.500.000
- Mua trong kỳ	2.613.500.000					2.613.500.000
- Tạo ra từ nội bộ DN						
- Tặng khác						
3. Số giảm trong kỳ						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
4. Số dư cuối kỳ	2.613.500.000			60.000.000		2.673.500.000
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
1. Số dư đầu kỳ						60.000.000
2. Khấu hao trong kỳ						
- Khấu hao trong kỳ						
- Tặng khác						
3. Giảm trong kỳ						
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
4. Số dư cuối kỳ				60.000.000		60.000.000
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu kỳ						
2. Tại ngày cuối kỳ	2.613.500.000					2.613.500.000

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

### 11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2014	01/01/2014
Xây dựng cơ bản dở dang		
Mua sắm tài sản cố định		2.613.500.000
+ Quyền sử dụng đất		2.613.500.000
<b>Cộng</b>		<b>2.613.500.000</b>

### 12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Tỷ lệ	31/12/2014	01/01/2014
<b>Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>Tỷ lệ góp</b>		<b>10.418.973.891</b>
- Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư tài chính			6.418.973.891
- Công ty Cổ phần Nhựt Hồng (*)			4.000.000.000
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>Tỷ lệ góp</b>	<b>10.418.973.891</b>	
- Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư tài chính	5,35%	6.418.973.891	
- Công ty Cổ phần Nhựt Hồng (*)	7,92%	4.000.000.000	
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>(12.156.609)</b>	<b>(10.599.280)</b>
- Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư tài chính		(12.156.609)	(10.599.280)
<b>Cộng</b>		<b>10.406.817.282</b>	<b>10.408.374.611</b>

**Ghi chú:** (\*) Đây là khoản đầu tư theo Hợp đồng Liên doanh số 02/HĐLD-2013/NH-TRisedco ngày 01 tháng 10 năm 2013 về việc đầu tư dự án Phía Đông Quốc lộ 01A- Khu A xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau với số tiền đầu tư 20.000.000.000 đồng (hai mươi tỷ đồng). Khoản đầu tư này đã được thông quan theo Biên bản họp HĐQT số 03/BB-HĐQT ngày 01 tháng 10 năm 2013.

Theo biên bản họp Hội Đồng Quản trị Cty CP ĐT Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản số 03/BB-HĐQT ngày 30/03/2014 thì khoản đầu tư trên sẽ chuyển thành góp vốn thông qua việc nhận chuyển nhượng quyền mua 400.000 cổ phần của Công ty Nhựt Hồng.

### 13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
- Chi phí thuê đất	67.927.718.472	68.991.257.634
- Công cụ dụng cụ		146.349.777
<b>Cộng</b>	<b>67.927.718.472</b>	<b>69.137.607.411</b>

### 14. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
Ký quỹ, ký cược dài hạn	3.312.128.000	3.312.128.000
<b>Cộng</b>	<b>3.312.128.000</b>	<b>3.312.128.000</b>





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

### 15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>86.545.731.284</b>	<b>107.419.350.000</b>
Cty Chứng khoán Liên Việt	1.969.389.138	
Ngân hàng Phương Đông	1.400.000.000	5.200.000.000
Ngân hàng Phương Đông - USD		2.319.350.000
Ngân hàng VCB An Giang		99.900.000.000
Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam - CN Cần Thơ	42.376.342.146	
Ngân hàng Á Châu - Sa Đéc	40.800.000.000	
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>6.255.863.183</b>	<b>6.211.180.447</b>
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	6.255.863.183	6.211.180.447
<b>Cộng</b>	<b>92.801.594.467</b>	<b>113.630.530.447</b>

### 16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

	31/12/2014	01/01/2014
- Thuế giá trị gia tăng	847.113.959	
- Thuế xuất, nhập khẩu		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	639.320.196	
- Thuế thu nhập cá nhân	42.363.469	30.018.975
- Thuế tài nguyên		
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		
<b>Cộng</b>	<b>1.528.797.624</b>	<b>30.018.975</b>

### 17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
- Kinh phí công đoàn	81.625.415	49.761.695
- Bảo hiểm xã hội	96.715.520	226.254.135
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	800.000.000	1.000.000.000
- Bảo hiểm thất nghiệp		
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	17.201.250	13.713.366
<b>Cộng</b>	<b>995.542.185</b>	<b>1.289.729.196</b>

### 18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
<b>a. Vay dài hạn</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>9.814.000.000</b>
- Ngân hàng Bưu điện Liên Việt		8.314.000.000
- Vĩ Thị Hồng Tâm	1.500.000.000	1.500.000.000
<b>b. Nợ dài hạn (thuê tài chính)</b>	<b>44.110.586.061</b>	<b>10.799.865.809</b>
<b>Cộng</b>	<b>45.610.586.061</b>	<b>20.613.865.809</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN**

Số 10/ĐL-ĐT/2014/GP, cụm công nghiệp Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính  
năm tài chính 2014**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

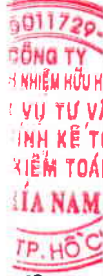
Năm 2014

**3. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Đơn vị tính: VND

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối
<b>Số dư đầu kỳ trước</b>	<b>150.000.000.000</b>					<b>6.348.651.208</b>
Tăng vốn trong kỳ trước						
Lãi trong kỳ trước						9.011.547.193
Tăng do trích lập từ lợi nhuận						
Giảm vốn trong kỳ trước						
Trích quỹ từ lợi nhuận						
Lỗ trong kỳ trước						
Thù lao hội đồng quản trị						
<b>Số dư đầu kỳ này</b>	<b>150.000.000.000</b>					<b>15.360.198.401</b>
Tăng vốn trong kỳ này						
Lãi trong kỳ này						11.136.867.278
Tăng do trích từ lợi nhuận			450.577.360		450.577.360	
Tăng khác						
Trích quỹ từ lợi nhuận						(1.351.732.080)
Giảm vốn trong kỳ này						
Lỗ trong kỳ này						
Giảm khác						
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>150.000.000.000</b>		<b>450.577.360</b>	<b>450.577.360</b>	<b>450.577.360</b>	<b>25.145.333.599</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

### 19. b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	%	Đầu kỳ	%
Pháp nhân nắm giữ	141.219.500.000	94,15%	141.219.500.000	94,15%
Thẻ nhân nắm giữ	8.780.500.000	5,85%	8.780.500.000	5,85%
<b>Cộng</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

### 19. c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
- Vốn góp đầu năm	150.000.000.000	150.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm		
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

### 19. d) Cổ phiếu

	Đầu năm	Cuối năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

### 19. đ) Các quỹ của công ty:

	Đầu năm	Cuối năm
Quỹ đầu tư phát triển	450.577.360	
Quỹ dự phòng tài chính	450.577.360	



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

### 20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Doanh thu bán hàng hàng hóa, sản phẩm

Năm 2014	Năm 2013
344.228.040.576	470.409.893.710

**Cộng**

<b>344.228.040.576</b>	<b>470.409.893.710</b>
------------------------	------------------------

### 21. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

Chiết khấu thương mại

Giảm giá hàng bán

Hàng bán bị trả lại

Năm 2014	Năm 2013
246.365.257	349.118.888

**Cộng**

<b>246.365.257</b>	<b>349.118.888</b>
--------------------	--------------------

### 22. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Doanh thu thuần bán hàng hóa, sản phẩm

Năm 2014	Năm 2013
343.981.675.319	470.060.774.822

**Cộng**

<b>343.981.675.319</b>	<b>470.060.774.822</b>
------------------------	------------------------

### 23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn của hàng hóa, sản phẩm đã bán

Năm 2014	Năm 2013
319.923.695.755	428.957.089.249

**Cộng**

<b>319.923.695.755</b>	<b>428.957.089.249</b>
------------------------	------------------------

### 24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay
- Cổ tức, lợi nhuận được chia
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện
- Lãi tiền trả trước cho Công ty CP Tập đoàn Sao Mai
- Lãi tiền ứng trước khách hàng cá nhân

Năm 2014	Năm 2013
508.999.624	819.919.500

387.312.558	1.507.143.462
-------------	---------------

	68.005.957
--	------------

4.126.762.469	5.453.287.931
---------------	---------------

5.976.657.750	
---------------	--

**Cộng**

<b>10.999.732.401</b>	<b>7.848.356.850</b>
-----------------------	----------------------

### 25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

- Lãi tiền vay
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn
- Lãi tiền vay hoạt động tài chính
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư
- Chi phí tài chính khác

Năm 2014	Năm 2013
10.928.376.599	16.239.203.201

1.711.269.337	
---------------	--

39.679.292	125.848.329
------------	-------------

542.431.547	92.042.364
-------------	------------

1.557.329	
-----------	--

202.500.000	
-------------	--



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

### 26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2014	Năm 2013
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.250.521.418	
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	90.746.004	
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.341.267.422</b>	

### 27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	Năm 2014	Năm 2013
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông	11.136.867.278	9.011.547.193
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	742	601



### 28. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 28.1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

##### a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

##### b. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Tập đoàn Sao Mai	Cổ đông lớn
Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa quốc gia I.D.I	Cổ đông lớn
Công ty Cp Dầu Cá Châu Á	Cổ đông lớn

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Cty CP Đầu tư & Phát triển đa quốc gia I.D.I	Bán mỡ, bột cá nguyên liệu	53.943.507.901
	Bán bong bóng cá	666.653.750
	Giao ủy thác XK cá fillet	4.402.785.451
	Mua phụ phẩm cá tra	286.933.895.248
	Mượn tạm	12.700.000.000
	Hoa hồng UTXK	145.354.713
Cty CP Dầu Cá Châu Á	Mua bán mỡ cá	61.694.078.869
	Nhận ủy thác xuất khẩu	16.858.201.494
	Cho mượn tiền	250.000.000



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND Giá trị giao dịch (VND)
Công ty CP Tập đoàn Sao Mai	Mua cá fillet	76.420.000.000
	Lãi trả trước tiền cá fillet	4.483.101.538

Đến ngày 31/12/2014, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Các khoản phải thu (VND)
Công ty CP Tập đoàn Sao Mai	Phải thu tiền ứng trước	29.443.676.676
Cty CP Dầu cá Châu Á	Phải thu tiền bán Mỡ cá	45.617.358.400

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Các khoản phải trả (VND)
Cty CP Đầu tư & Phát triển đa Quốc Gia I.D.I	Phải trả tiền mua phụ phẩm	27.833.895.248
Công ty CP Tập đoàn Sao Mai	Phải trả BHXH, BHYT, BHTN	80.275.000

### 28.2 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Người lập biểu

LÊ THANH DŨNG

Kế toán trưởng

NGUYỄN GIA THUẬN

Đồng Tháp, ngày 15 tháng 01 năm 2015

Tổng Giám đốc



LÊ XUÂN QUẾ